

# PHILIPS

Màn hình chơi game  
Full HD

Fast IPS Gaming  
monitor

Evnia 3000

24,5" (62,23cm)

1920 x 1080 (Full HD)

25M3N3240P



## Nâng cao trải nghiệm chơi game của bạn

Màn hình Evnia Fast IPS này cung cấp khả năng chơi game mượt mà với tốc độ làm mới 280Hz có thể ép xung đáng kinh ngạc trong khi vẫn tạo ra hình ảnh HDR 400 chất lượng cao. Game thủ cũng có thể xác định mục tiêu dễ dàng hơn với tính năng Smart Crosshair của màn hình này.

### Các tính năng được thiết kế theo nhu cầu của người chơi game

- Chế độ SmartImage Game được tối ưu hóa dành cho game thủ
- Chế độ LowBlue và Không nhấp nháy hình bảo vệ đôi mắt của bạn
- Phím chuyển đổi menu EasySelect cho phép truy cập nhanh chóng vào menu trên màn hình
- Smart Crosshair: để ngắm bắn tốt hơn và vui hơn

### Được chế tạo cho những phim hành động nhanh

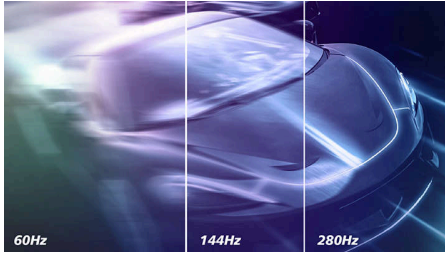
- Tốc độ làm mới vượt trội 280Hz cho trải nghiệm chơi game mượt mà nhất
- Tấm nền Fast IPS: Để chơi game nhanh và hình ảnh rõ nét
- Độ trễ đầu vào thấp giúp giảm thời gian trễ tín hiệu giữa thiết bị và màn hình

### Hình ảnh sống động

- Màn hình Full HD 16:9 cho hình ảnh chi tiết sinh động
- SmartContrast cho chi tiết đen sâu
- DisplayHDR 400 cho hình ảnh sống động và nổi bật hơn

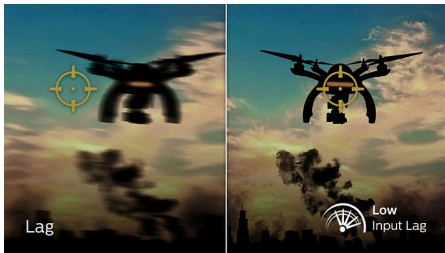
# Những nét chính

## Có thể ép xung tốc độ làm mới 280Hz



Philips Evnia cung cấp tốc độ làm mới 280Hz có thể ép xung, đưa trải nghiệm chơi game của bạn lên một tầm cao mới. Độ trễ đầu vào thấp kết hợp với công nghệ tốc độ làm mới thay đổi mang đến cho bạn lợi thế chơi game đồng bộ. Ngoài ra, tấm nền góc nhìn rộng với độ phân giải cao của chúng tôi mang đến trải nghiệm chơi game chân thực với độ chính xác màu sắc vượt trội. Hãy tập trung vào những điều quan trọng vì chân đế có thể điều chỉnh đáng có được và công nghệ không nháy hình giúp bạn xem dễ dàng, để bạn tiếp tục chơi game mà không phải lo lắng về sức khỏe.

## Độ trễ đầu vào thấp



Độ trễ đầu vào là độ trễ xảy ra giữa thời điểm thiết bị kết nối bắt đầu gửi khung hình lên màn hình và thời điểm màn hình thực sự hiển thị khung hình đó. Độ trễ đầu vào thấp giúp giảm thời gian chậm trễ giữa nhập lệnh từ thiết bị của bạn đến màn hình, cải thiện đáng kể hiệu quả khi chơi các game thi đấu tốc độ cao.

## Fast IPS



Tính năng này được thiết kế cho các game hành động. Tấm nền này không chỉ cho phép chơi game hầu như không bị mờ mà còn kết hợp tốt với tốc độ khung hình cao để đảm bảo mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét vượt trội.

## Màn hình Full HD 16:9



Chất lượng hình ảnh là vấn đề khiến bạn quan tâm. Tuy các màn hình thông thường cũng có chất lượng hình ảnh tốt nhưng bạn vẫn muốn có hình ảnh tốt hơn. Màn hình này được trang bị độ phân giải Full HD 1920 x 1080 nâng cao, cho những chi tiết sinh động đi cùng với độ sáng cao, độ tương phản đến không thể tin nổi và màu sắc trung thực cho hình ảnh sống động như ngoài đời thực.

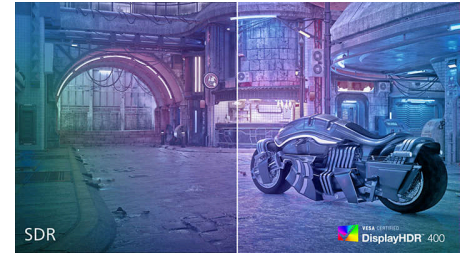
## SmartContrast



SmartContrast là công nghệ của Philips phân tích nội dung bạn đang hiển thị, tự động điều chỉnh màu và điều khiển cường độ ánh sáng nền để có

được video và hình ảnh số tốt nhất, hoặc khi chơi trò chơi hiển thị những màu tối màu. Khi chế độ Tiết kiệm được chọn, độ phân giải được điều chỉnh và ánh sáng nền được tinh chỉnh để hiển thị vừa phải cho những ứng dụng văn phòng hàng ngày và tiêu thụ năng lượng ít hơn.

## DisplayHDR 400



DisplayHDR 400 được chứng nhận VESA mang lại bước tiến đáng kể so với màn hình SDR thông thường. Không giống như các màn hình 'tương thích HDR' khác, DisplayHDR 400 thực tạo ra độ sáng, độ tương phản và màu sắc đáng kinh ngạc. Với chế độ làm mờ toàn cục và độ sáng tối thiểu 400 nit, hình ảnh trở nên sống động với những điểm nổi bật đáng chú ý đồng thời có màu đen sâu hơn, nhiều sắc thái hơn. Công nghệ này mang đến một bảng màu mới phong phú hơn chưa từng có trên TV, cho bạn một trải nghiệm hình ảnh thu hút mọi giác quan và truyền cảm xúc.

## Chế độ LowBlue & Không nháy hình



Chế độ LowBlue và Công nghệ không nháy hình của chúng tôi đã được phát triển để giảm căng thẳng và mệt mỏi cho mắt thường do việc nhìn vào màn hình trong nhiều giờ liền.

## Những nét chính

### Phím chuyển đổi menu EasySelect



Phím chuyển đổi menu EasySelect được đặt ở vị trí phù hợp cho phép bạn thực hiện điều chỉnh nhanh chóng và dễ dàng cho các cài đặt màn hình trong menu Hiển thị trên màn hình.

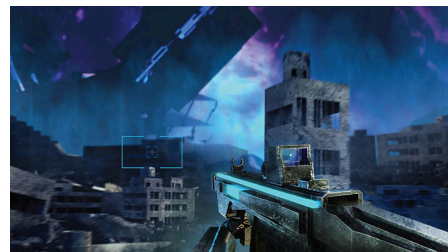
### Chế độ SmartImage Game



Màn hình chơi game Philips mới có OSD truy cập nhanh được tinh chỉnh dành cho game thủ, cung cấp cho bạn nhiều lựa chọn. Chế độ "FPS" (Góc nhìn người thứ nhất) cải thiện các chủ đề sẫm màu trong game, cho phép bạn nhìn thấy các đối tượng ẩn trong các khu vực tối màu. Chế độ "Racing" điều chỉnh màn hình với thời gian phản hồi nhanh nhất, màu sắc mức cao, cùng với điều chỉnh hình ảnh. Chế độ "RTS" (Chiến lược thời gian thực) có một chế độ SmartFrame đặc biệt cho phép làm nổi bật các khu vực cụ thể và cho phép điều chỉnh kích thước và hình ảnh. Gamer 1

và Gamer 2 cho phép bạn lưu các cài đặt tùy chỉnh cá nhân dựa trên các game khác nhau, đảm bảo hiệu suất tốt nhất.

### Smart Crosshair



Màu của Tâm ngắm được cài đặt theo mặc định. Khi tính năng Smart Crosshair (Tâm ngắm thông minh) được bật, màu sẽ thay đổi thành màu bổ sung cho màu nền. Tính năng Smart Crosshair (Tâm ngắm thông minh) nâng cao độ chính xác của việc ngắm bắn để bạn có thể phát hiện kẻ thù dễ dàng hơn.

Các thông số

Hình ảnh/Hiển thị

Kích thước bảng: 24,5 inch / 62,23 cm  
Tỉ lệ kích thước: 16:9  
Loại bảng LCD: Công nghệ IPS  
Loại đèn nền: Hệ thống W-LED  
Khoảng cách điểm ảnh: 0,2832mm (Ngang) x 0,2802mm (Dọc)  
Độ sáng: 350 cd/m²  
Số màu màn hình: 16,7 triệu (RGB 8 bit)  
Gam màu (diễn hình): DCI-P3 92%, AdobeRGB 89%, sRGB 120%, NTSC 100% \*  
Tỉ lệ tương phản (thông thường): 1000:1  
SmartContrast: Mega Infinity DCR  
Thời gian phản hồi (thông thường): 1 ms (Thời gian điểm ảnh chuyển giữa hai mức xám)\*  
Góc nhìn: 178° (Ngang) / 178° (Dọc), @ C/R > 10  
Nâng cao hình ảnh: SmartImage game  
Độ phân giải tối đa: HDMI: 1920 x 1080 @ 240 Hz; DP: 1920 x 1080 @ 280 Hz (Ép xung)\*, 8 bit, RGB/444  
Khung xem hiệu quả: 543,744mm (Ngang) x 302,616mm (Dọc)  
Tần số quét: HDMI: 30 - 270 kHz (Ngang) / 23 - 240 Hz (Dọc); DP: 30 - 270 kHz (Ngang) / 48 - 280 Hz (Dọc)  
sRGB  
Delta E: < 2 (sRGB)  
Không bị nhấp  
Mật độ điểm ảnh: 89 PPI  
Chế độ LowBlue  
Lớp phủ màn hình hiển thị: Chống chói, 3H, Độ lóa 25%  
Độ trễ đầu vào thấp  
EasyRead  
Đồng bộ thích ứng  
HDR: HDR 400  
Smart Crosshair  
Shadow Boost

Khả năng kết nối

Đầu vào tín hiệu: HDMI 2.0 x 2, DisplayPort 1.4 x 1  
Đầu vào đồng bộ: Đồng bộ riêng rẽ  
Âm thanh (Vào/Ra): Cổng ra tai nghe  
HDCP: HDCP 1.4 (HDMI / DisplayPort), HDCP 2.2 (HDMI / DisplayPort)  
Hub USB: Chỗ USB-A để cập nhật firmware

Tiện lợi

Tương thích "cắm vào và hoạt động": DDC/CI, Mac OS X, sRGB, Windows 11 / 10  
Tiện lợi cho người dùng: Bật/tắt nguồn,

Menu/OK, Đầu vào/Lên, Cài đặt game/Xuống, SmartImage game/Quay lại  
Ngôn ngữ OSD: Tiếng Bồ Đào Nha Brazil, Tiếng Séc, Tiếng Hà Lan, Tiếng Anh, Tiếng Phần Lan, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Hy Lạp, Tiếng Hungary, Tiếng Ý, Tiếng Nhật Bản, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Ba Lan, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Nga, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Trung giản thể, Tiếng Thụy Điển, Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Tiếng Trung truyền thống, Ukraina  
Tiện lợi khác: Khóa Kensington, Gắn VESA (100x100 mm)  
Phần mềm điều khiển: Evnia Precision Center

Chân đế

Nghiêng: -5/20 độ

Công suất

Nguồn điện: Trong, AC 100-240 V, 50-60 Hz  
Chế độ tắt: 0,3 W (diễn hình)  
Chế độ bật: 27,5 W (diễn hình)  
Chế độ chờ: 0,5 W (diễn hình)  
Chỉ báo đèn LED nguồn: Vận hành - Trắng, Chế độ chờ - Trắng (nhấp nháy)

Kích thước

Đóng gói, tính theo mm (Rộng x Cao x Sâu): 696 x 444 x 177 mm  
Sản phẩm không kèm chân đế (mm): 556,39 x 330,33 x 57,9 mm  
Sản phẩm kèm chân đế (chiều cao tối đa): 556,39 x 438,03 x 244,8 mm

Trọng lượng

Sản phẩm với bao bì (kg): 7,6 kg  
Sản phẩm kèm chân đế (kg): 4,41 kg  
Sản phẩm không kèm chân đế (kg): 3,72 kg

Điều kiện vận hành

Độ cao so với mực nước biển: Hoạt động: +12.000 ft (3.658 m), Không hoạt động: +40.000 ft (12.192 m)  
Phạm vi nhiệt độ (vận hành): 0°C đến 40 °C  
MTBF: 30.000 (Loại trừ đèn nền) giờ  
Độ ẩm tương đối: 20%-80 %  
Phạm vi nhiệt độ (bảo quản): -20°C đến 60 °C

Tính bền vững

Môi trường và năng lượng: China RoHS  
Vật liệu đóng gói có thể tái chế: 100 %  
Các chất cụ thể: Vô không chứa PVC / BFR

Tuân thủ quy định và tiêu chuẩn

Chứng nhận tuân thủ quy định: CCC, CECP, CEL

Tủ

Màu sắc: Đen  
Bề mặt: Có vân



\* Nhãn hiệu / thương hiệu "IPS" và những bằng phát minh về công nghệ có liên quan thuộc về chủ sở hữu tương ứng của chúng.  
\* Độ phân giải tối đa chỉ áp dụng cho đầu vào DP.  
\* Để có hiệu suất đầu ra tốt nhất, hãy luôn đảm bảo rằng card đồ họa của bạn có thể đạt được độ phân giải và tốc độ làm mới tối đa của màn hình Philips này.  
\* Giá trị thời gian phản hồi bằng SmartResponse  
\* Độ bao phủ Adobe RGB và DCI-P3 dựa trên CIE1976, Vùng màu sRGB dựa trên CIE1931, Vùng NTSC dựa trên CIE1976.  
\* Chức năng Ép xung làm tăng tốc độ làm mới gốc, tuy nhiên, nó cũng đi kèm một số rủi ro liên quan. Nếu màn hình hiển thị bất thường sau khi khởi động lại, vui lòng tắt cài đặt Ép xung nằm trong menu OSD của màn hình.  
\* Các sản phẩm và phụ kiện được liệt kê trên tờ rơi này có thể khác nhau tùy theo quốc gia và khu vực.  
\* Màn hình có thể trông khác với hình ảnh minh họa.